

Phụ lục 01
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 25 /NQ-HĐND ngày 16 /7/2026 của HĐND xã Cẩm Mỹ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ điều tiết	Dự toán năm 2026	Dự toán điều chỉnh, bổ sung đợt 1 năm 2026		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung đợt 1 năm 2026
				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	Thu nội địa		99.258.000	210.000	21.571.000	77.897.000
	Thu nội địa (trừ thu tiền sử dụng đất)		59.058.000	210.000	11.196.000	24.161.000
1	Thuế công thương nghiệp, NQD		27.650.000	210.000	9.860.000	18.000.000
+	Thuế GTGT	59%	22.900.000		8.750.000	14.150.000
+	Thuế TTDB	59%	40.000	210.000		250.000
+	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	59%	4.565.000		1.065.000	3.500.000
+	Thuế tài nguyên	100%	145.000		45.000	100.000
2	Thuế thu nhập cá nhân		11.155.000		3.155.000	8.000.000
3	Lệ phí trước bạ	100%	13.150.000		3.150.000	10.000.000
4	Phí và lệ phí	100%	2.330.000		1.830.000	500.000
	Trong đó, cân đối phí và lệ phí					200.000
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100%	520.000		-	520.000
6	Tiền thuê đất		10.000		10.000	-
7	Thu tiền sử dụng đất	80%	40.200.000		7.000	40.193.000
8	Thu khác	100%	4.243.000		3.559.000	684.000
	Trong đó, cân đối thu khác ngân sách					200.000
B	Tổng thu ngân sách cấp xã		302.677.000	85.232.966	10.375.000	377.534.966
1	Các khoản thu cân đối ngân sách xã		64.111.000	-	10.375.000	53.736.000
1.1	Các khoản thu xã hưởng 100%		15.715.000	-	4.695.000	11.020.000
	Thu xã hưởng 100%		15.715.000		4.695.000	11.020.000
1.2	Các khoản thu theo tỷ lệ (%)		48.396.000	-	5.680.000	42.716.000
	Thu xã hưởng theo tỷ lệ		48.396.000		5.680.000	42.716.000
2	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên		238.566.000	59.131.902	-	297.697.902
2.1	Thu cân đối từ ngân sách thành phố			10.375.000		10.375.000
2.2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố			48.981.736	-	48.756.902
	Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 về phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ ưu đãi đối với người có công cách mạng (đợt 1) năm 2026			7.600.800		7.600.800

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ điều tiết	Dự toán năm 2026	Dự toán điều chỉnh, bổ sung đợt 1 năm 2026		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung đợt 1 năm 2026
				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
-	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 về phân bổ kinh phí thực hiện chuyển giao Trạm Y tế xã, phường thuộc Trung ương trung tâm Y tế khu vực về trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý năm 2026			7.677.000		7.677.000
-	Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 về phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường năm 2026 để thực hiện chính sách hỗ trợ tết nguyên đán trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai			2.105.920		2.105.920
-	Quyết định số 64/QĐ-STC ngày 10/02/2026 về Bố trí kinh phí cho 95 phường, xã để thực hiện nhiệm vụ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI			2.245.581		2.245.581
-	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 25/2/2026 Kinh phí tinh giản biên chế theo quy định tại ND 154/2025/ND-CP ngày 15/6/2026			502.808		502.808
	Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 Bổ sung nguồn vốn xã hội hóa cho xã, phường năm 2026			924.100		924.100
-	Bổ sung theo QĐ 103/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 về việc phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách phường, xã (đợt 1) thực hiện đề án Duy tu sửa chữa, đảm bảo hạ tầng giao thông, kiến thiết thị chính tại các xã, phường tại QĐ số 3342/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh			5.000.000		5.000.000
-	Bổ sung theo QĐ 104/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 về việc phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách phường, xã (đợt 1) thực hiện đề án Duy tu sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị trường học tại các xã, phường tại QĐ số 3341/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh			5.000.000		5.000.000

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ điều tiết	Dự toán năm 2026	Dự toán điều chỉnh, bổ sung đợt 1 năm 2026		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung đợt 1 năm 2026
				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
	<i>Bổ sung theo QĐ 794/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 về việc bổ sung có mục tiêu kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách thành phố trong năm 2026 cho các xã, phường thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê của cơ quan, tổ chức trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy theo Quyết định số 2996/QĐ- UBND ngày 05/12/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (lần 2)</i>			2.640.341		2.640.341
	<i>Bổ sung theo QĐ 861/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 Chế độ chính sách cho người có công với cách mạng năm 2026 (đợt 2)</i>			1.075.986		1.075.986
	<i>Bổ sung theo CV số 3192/UBND-KTNS ngày 16/6/2026 Bổ sung kinh phí chương trình y tế dân số</i>			210.000		210.000
	<i>Bổ sung theo QĐ 1398/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 Chế độ chính sách cho người có công với cách mạng năm 2026</i>			381.200		381.200
	<i>Bổ sung theo QĐ 1399/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 thực hiện diễn tập phòng thủ tác chiến năm 2026</i>			3.000.000		3.000.000
	<i>Kinh phí để thực hiện quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố được giao cho UBND các xã, phường quản lý</i>			81.000		81.000
	<i>Bổ sung kinh phí đợt 1</i>			10.537.000		10.537.000
2.3	<i>Chi nộp trả kinh phí bầu cử theo CV số 2017/STC-NSNN và QĐ</i>			(224.834)		(224.834)
3	Thu chuyển nguồn			13.624.652		13.624.652
4	Thu kết dư			12.476.412		12.476.412